

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH  
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-11-2021.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Linh Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thiện Lợi;
2. Ông Nguyễn Thế Hưng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Mai Thị Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền- Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1976 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: Thôn Đ, xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.
2. Bị đơn: Chị Đào Thị H, sinh năm 1990 (vắng mặt);  
Nơi cư trú: Thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:***

Anh và chị Đào Thị H tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 20/12/2019 tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

chính là do giữa vợ chồng xảy ra bất đồng về nhiều vấn đề trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 2/2020, chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay anh S xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục nên đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa anh và chị Đào Thị H. Việc ly hôn anh đã suy nghĩ kỹ và hoàn toàn tự nguyện.

Anh và chị H không có con chung.

Anh và chị H không có tài sản, không cho ai vay hoặc vay ai tài sản gì, anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

***\* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Đào Thị H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án, không trình bày lời khai.***

***\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 10 năm 2021, bà Trần Thị M là mẹ đẻ của bị đơn chị Đào Thị H trình bày:***

Về thời gian, điều kiện kết hôn giữa chị H và anh S bà M trình bày như anh S đã khai. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S và chị H, gia đình bà không biết được nhưng từ năm 2020, chị H đã bỏ về sinh sống cùng vợ chồng bà tại thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, anh S và chị H đã sống ly thân đến nay. Kể từ khi anh S khởi kiện ly hôn chị H, chị H đã nhận được thông báo của Tòa án và có nói lại với gia đình là chị H chưa đồng ý ly hôn vì giữa anh S và chị H còn khúc mắc chưa giải quyết, khi nào giải quyết xong chị H sẽ đồng ý ly hôn.

Quá trình chung sống, chị H và anh S không có con chung.

Anh S và chị H có tài sản chung, công nợ chung hay không, bà Mơ cũng không biết được.

***\* Tại biên bản xác minh ngày 24 tháng 9 năm 2021, đại diện UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cung cấp:***

Anh S và chị H kết hôn năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại thôn Đ, xã P, thành phố T. Quá trình chung sống, giữa anh S và chị H có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh S và chị H, địa phương không nắm được. Tuy nhiên, chị H đã bỏ đi nơi khác sinh sống được 06 – 07 tháng nay, còn anh S đưa người phụ nữ khác về chung sống tại thôn Đ, xã P, thành phố T. Đối với việc anh S khởi kiện ly hôn chị H, địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh S và chị H không có con chung.

Anh S và chị H có tài sản chung, công nợ chung hay không, địa phương không biết được.

**\* *Phát biểu của Kiểm sát viên:***

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì.

- Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Văn S được ly hôn chị Đào Thị H.

Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn S khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Đào Thị H, chị Đào Thị H hiện đang cư trú tại thôn H, xã V, thành phố T, tỉnh Thái Bình, do đó, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn chị Đào Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Đào Thị H.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa anh S và chị H được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn, là hôn nhân hợp pháp.

Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình quy định: “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào

*tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”.*

Xét thấy, trong quá trình chung sống, giữa anh S và chị H đã xảy ra mâu thuẫn không thể hòa giải dẫn đến vợ chồng phải sống ly thân. Mặt khác, việc chị H không có mặt tại Tòa án theo giấy triệu tập, không tham gia phiên hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án theo đơn khởi kiện của anh S thể hiện chị H đã tự từ bỏ cơ hội khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng cùng anh S. Như vậy, hôn nhân giữa anh S, chị H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình số 52/2014/QH13, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S.

[3] Về nuôi con chung: Anh S và chị H không có con chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết

[4] Về chia tài sản: Anh S và chị H không có yêu cầu, do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 146, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn S và chị Đào Thị H.

*Giấy chứng nhận kết hôn số 64 do UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình cấp ngày 20/12/2019 không còn giá trị kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.*

2. Về nuôi con chung: Không đặt ra giải quyết.

3. Về chia tài sản: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng anh S đã nộp tạm ứng án phí tại Biên lai thu

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000307 ngày 23 tháng 8 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Đào Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn: UBND xã P, thành phố T, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Nguyễn Thị Linh Nga**